

BÁO CÁO

**Tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi
tỉnh Quảng Ngãi năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Thực hiện Công văn số 9087/BKHĐT-KTĐN ngày 06/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA năm 2019 như sau:

I. Tình hình vận động ODA và vốn vay ưu đãi

1. Tình hình thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án

Trong năm, không có chương trình, dự án nào được thẩm định, phê duyệt.

2. Tình hình ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi:

Hiện nay các dự án đều trong quá trình lập đề xuất (các dự án ngành nông nghiệp, hạ tầng đô thị), lập chủ trương đầu tư (CRIEM). Riêng dự án xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi hiện nay đã hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

II. Tình hình thực hiện các chương trình, dự án

1. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án

Năm 2019, tỉnh Quảng Ngãi có 09 dự án ODA triển khai; kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo là 379,358 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 354,358 tỷ đồng, vốn đối ứng là 25,0 tỷ đồng. Xếp loại cụ thể như sau:

Xếp loại dự án	Dự án đầu tư	Dự án HTKT	Tổng số dự án
Tốt	06		04
Khá	03		03
Trung bình	02		02
Kém	0		0
Tổng số dự án	11		09

2. Tiến độ thực hiện các chương trình, dự án so với kế hoạch

Trong năm 2019, một số dự án triển khai thực hiện tốt các công việc theo kế hoạch đề ra, giải ngân vốn nước ngoài đạt trên 80% (*Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạch Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi*); một số dự án giải ngân chưa đạt theo đúng kế hoạch, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Kết quả thực hiện so với kế hoạch trong Quý báo cáo		Lũy kế thực hiện từ đầu năm so với kế hoạch cả năm	
Tiến độ thực hiện	Số chương trình, dự án	Tiến độ Thực hiện	Số chương trình, dự án
> 80%		> 80%	01
80% - 60%		80% - 60%	00
60% - 40%		60% - 40%	02
< 40%		< 40%	06

3. Tiến độ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng

- *Vốn giải ngân thực tế phân loại theo nhà tài trợ*: Giải ngân vốn theo nhà tài trợ: WB 107,524/259,852 tỷ đồng (41,38% KH năm), JICA 2,36/7,341 tỷ đồng (32,15% KH), ADB 0,26/6,987 tỷ đồng (3,75% KH), vốn từ Chương trình SP-RCC 45.861/48.178 tỷ đồng (95,2% KH).

- *Vốn giải ngân phân loại theo nguồn vốn*:

+ Vốn ODA: giải ngân 156 tỷ đồng, bằng 44,03% kế hoạch năm.

+ Vốn đối ứng: giải ngân 16,098 tỷ đồng, bằng 64,4% kế hoạch năm.

- Lũy kế giải ngân đến thời điểm hiện tại, các Chương trình, dự án ODA tỉnh Quảng Ngãi đã giải ngân tổng cộng 784,337 tỷ đồng, chiếm 45,61% so với tổng vốn đầu tư (1.719,71 tỷ đồng).

Trong 09 dự án đang triển khai thực hiện có 02 dự án khởi công mới: (1) Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi; (2) Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ) mới được trung ương giao vốn trong tháng 7 và 8/2019 với số vốn 132 tỷ đồng. Hiện nay, các chủ đầu tư đang tổ chức lựa chọn nhà thầu nên việc giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2019 là hết sức khó khăn, nhất là dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi.

(Phụ đính GSDG 5.3 Báo cáo tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi và Phụ đính GSDG 5.4 Báo cáo tiến độ giải ngân vốn đối ứng).

4. Các kết quả đầu ra chủ yếu

Trong năm 2019, các dự án thực hiện đạt được một số kết quả đầu ra chủ yếu: đã lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 14 đọt, với khoảng 3,45/3,5 km chiều dài tuyến đê của dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; hoàn thành bàn giao đưa vào vận hành dự án

Khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi từ tháng 6/2019; hiện nay đang thực hiện quyết toán dự án hoàn thành và lập hồ sơ trình Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường xin cấp phép hoạt động; Dự án Cấp điện nông thôn lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi: đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn và giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao trong năm.

5. Các vướng mắc và kiến nghị

a) Các vướng mắc:

Nguồn vốn các chương trình sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi được Trung ương giao chậm, chia thành 04 đợt giao kế hoạch, dẫn đến ảnh hưởng nhiều công tác tổ chức triển khai và tiến độ giải ngân của các chương trình, dự án.

b) Kiến nghị:

Kính đề nghị Trung ương tập trung giao kế hoạch vốn các chương trình sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi ngay từ đầu năm để tỉnh có điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành tốt kế hoạch được giao.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, Thbha500.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên



ĐỀ AN TOÀN TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI
 Năm 2019
 (Kính gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)
 Báo số 274/BC-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu VND

TT	Tên chương trình, dự án	Nhà tài trợ	Loại tài trợ	Phương thức tài trợ	Thời gian BD-KT	Tổng vốn theo Hiệp định về ODA và vốn vay ưu đãi	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo			Kế hoạch năm	Lấy kế giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo			Giải ngân trong quý báo cáo				
							Tổng số	XDCB	CVL		Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số	XDCB	CVL	Tỷ lệ (%) so với KH năm	Tổng số	XDCB	CVL
TỔNG SỐ						1.719.716	784.337	760.511	23.826	45,61	354.358	156.007	156.007	0	44,03	76.263	76.263	0
1	Giáo nghề khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	WB	Vốn vay ưu đãi	Hỗ trợ dự án	2014-2018	319.341	248.384	-	-	77,8	75.415	25.000	25.000	-	33,1	25.000	25.000	-
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	Vốn vay ưu đãi	Hỗ trợ dự án	2016-2022	319.950	95.304	71.478	23.826	29,79	50.372	28.215	28.215	-	56,0	49.807	49.807	-
3	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khô khan nhất (giao đoạn 2)	ADB	Vốn vay ưu đãi	Hỗ trợ dự án	2015-2018	22.000	8.500,6	8.500,6	-	38,6	6.987	262,02	262,02	-	3,8	262,02	262,02	-
4	Xây dựng tuyến đường biển thôn Thước, xã Phó Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Các nhà tài trợ WB			2018-2020	96.355	45.861	45.861	-	47,60	48.178	45.861	45.861	-	95,2	-	-	-
5	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	WB			2017-2022	88.961	0	0	-	-	4.677	0	0	-	0,0	-	-	-
6	Khắc phục hiện trạng hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	WB	Hỗ trợ từ NSTW		2017-2020	361.600	39.500	39.500	-	10,9	74.585	22.000	22.000	-	29,5	-	-	-
7	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	JICA	Vốn vay ưu đãi	Hỗ trợ dự án	2012-2021	177.141	161.928	161.928	-	91,4	7.341	2.360	2.360	-	32,1	1.194	1.194	-
8	Dự án Quản lý thiên tai (WB5)	WB	Vốn vay ưu đãi	Hỗ trợ dự án	2015-2018	225.747	184.859	184.859	-	81,89	54.803	32.309	32.309	0	59,0	-	-	-
	1124 (Cung cấp máy bơm thủy điện và cứu hộ cứu nạn) (giao đoạn II)				2013-2019	52.167	38.884	38.884	-	74,54	54.677	32.227	32.227	-	58,9	-	-	-
	1124 (Cung cấp máy bơm thủy điện và cứu hộ cứu nạn) (giao đoạn II)				2015-2018	136.833	114.388	114.388	-	83,60	1.111	82	82	-	62,6	-	-	-
9	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 (EU tài trợ)	EU			2018-2020	36.747	31.587	31.587	-	85,96	32.600	-	-	-	0,0	-	-	-



BÁO CÁO TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐỐI ỨNG
 Năm 2019
 (Kế hoạch báo cáo số 274/KBC-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu VND

TT	Tên chương trình, dự án	Thời gian BD-KT	Số QĐ (ngày, tháng, năm)	Tổng số	Trong đó		Lấy kế giải ngân				Lấy kế giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Giải ngân trong quý báo cáo			
					Vốn đối ứng theo Quyết định đầu tư		từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Trong đó		Tỷ lệ (%) so với KH năm	Kế hoạch năm (kể cả vốn kéo dài)	Trong đó		Tỷ lệ (%) so với KH năm	Trong đó		
					Cần đối từ NSTW	Cần đối từ NSDP	Tổng số	Cần đối từ NSTW	Cần đối từ NSDP	Tỷ lệ (%) giải ngân			Tổng số	Cần đối từ NSTW		Cần đối từ NSDP	Cần đối từ NSTW	Cần đối từ NSDP
TỔNG SỐ				248.830	0	309.632	103.566	0	103.566	41,6	25.000	16.098	0	16.098	64,4	5.382	0	5.382
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	2014-2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	18.477	0	18.477	18.477	-	18.477	100,0	1.574	1.574	-	1.574	100,0	-	-	
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	29.948	0	29.948	14.349	0	14.349	47,9	8.100	2.592	0	2.592	32,0	4.880	0	4.880
	<i>TDA sửa chữa, nâng cấp dam báo an toàn HCN Đập Làng</i>	2016-2017	546/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	8.641	-	8.641	6.481	-	6.481	75,0	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1)</i>	2017-2020	912/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	21.307	-	21.375	7.718	-	7.718	36,2	8.000	2.492	-	2.492	31,2	4.767	-	4.767
	<i>TDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2)</i>	2019-2020	Đang trình xin ý kiến BNN/PTNT về hồ sơ FS	-	-	-	150	-	150	-	100	100	-	100	100	113	-	113
3	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	6.600	-	6.600	2.473	-	2.473	37,5	700	277,4	-	277,4	39,6	-	-	-
4	Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạch Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	2018-2020	1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	4.083	-	49.800	-	-	-	-	5.000	5.000	-	5.000	100,0	-	-	-
5	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VII.G)	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, 30/S/2016	18.250	-	18.250	-	-	-	-	1.370	-	-	-	-	-	-	-
6	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thối rữa tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	2017-2020	542/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	75.710	-	75.710	19.500	-	19.500	25,8	2.000	2.000	-	2.000	100,0	-	-	-

TT	Tên chương trình, dự án	Thời gian BD-KT	Vốn đối ứng theo Quyết định đầu tư				Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo				Lấy kế giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Giải ngân trong quý báo cáo			
			Số QĐ (ngày, tháng, năm)	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%) so với KH năm	Tổng số	Tỷ lệ (%) so với KH năm	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Cân đối từ NSTW	Cân đối từ NSDP							Cân đối từ NSTW	Cân đối từ NSDP		Cân đối từ NSTW	Cân đối từ NSDP	
7	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	2012-2021	1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	24.845	-	24.845	73,7	18.321	40,0	502	40,0	502	-	502	-	502		
8	Dự án Quản lý thiên tai (WB5) Đập Đức Lợi	2015-2018	2113/QĐ-UBND	66.834	0	66.834	45,6	30.446	83,1	4.153	83,1	4.153	0	4.153	0	4.153		
	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn 2) (WB5)	2013-2019	2200/QĐ-UBND ngày 31/12/2013; 2037/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	48.299	0	48.299	42,6	20.554	83,1	4.153	83,1	4.153	-	4.153	-	4.153		
9	TDA Hợp phần 3 (WB5) Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 (EU tài trợ)	2015-2018 2018-2020	2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018; 981/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	4.083	-	4.083	91,8	3.750		-		-	-	-	-	-		